

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG ĐỊA ỐC ĐẤT XANH
27 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 24, Quận Bình Thạnh, TP. HCM

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/03/2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		325.488.734.924	446.505.929.737
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	36.668.098.142	93.534.465.347
1. Tiền	111		7.168.098.142	2.332.832.014
2. Các khoản tương đương tiền	112		29.500.000.000	91.201.633.333
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120			
1. Đầu tư ngắn hạn	121			
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	5.2	248.359.939.774	312.796.498.973
1. Phải thu khách hàng	131		68.040.218.402	134.073.539.376
2. Trả trước cho người bán	132		4.145.418.414	3.323.022.159
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Các khoản phải thu khác	135		185.027.494.408	184.253.128.888
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(8.853.191.450)	(8.853.191.450)
IV. Hàng tồn kho	140	5.3	4.587.268.563	6.175.277.872
1. Hàng tồn kho	141		4.587.268.563	6.175.277.872
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	5.4	35.873.428.445	33.999.687.545
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.871.963.447	576.935.743
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152			244.662.415
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		3.307.409	3.307.409
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		33.998.157.589	33.174.781.978

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG ĐỊA ỐC ĐẤT XANH
27 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 24, Quận Bình Thạnh, TP. HCM

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/03/2012

Đơn vị tính: VND

B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		317.446.839.859	311.761.739.204
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213			
4. Phải thu dài hạn khác	218			
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219			
II. Tài sản cố định	220		6.292.165.133	6.526.588.835
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.5	4.094.573.516	4.313.963.507
- Nguyên giá	222		6.580.077.705	6.557.277.705
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.485.504.189)	(2.243.314.198)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.6	261.869.505	168.051.286
- Nguyên giá	228		520.700.535	411.848.605
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(258.831.030)	(243.797.319)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		1.935.722.112	2.044.574.042
III. Bất động sản đầu tư	240	5.7	25.194.159.114	25.413.238.755
- Nguyên giá	241		26.289.557.319	26.289.557.319
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(1.095.398.205)	(876.318.564)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.8	284.974.470.496	278.595.825.041
1. Đầu tư vào công ty con	251		189.346.557.000	189.346.557.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		26.887.000.000	26.600.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		72.926.172.287	66.834.526.832
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(4.185.258.791)	(4.185.258.791)
V. Tài sản dài hạn khác	260	5.9	986.045.116	1.226.086.573
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		452.525.116	692.566.573
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Tài sản dài hạn khác	268		533.520.000	533.520.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		642.935.574.783	758.267.668.941

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/03/2012

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		213.541.990.629	337.100.550.973
I. Nợ ngắn hạn	310		210.294.791.469	333.876.061.491
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.10	71.500.000.000	111.597.000.000
2. Phải trả người bán	312	5.11	4.896.477.976	18.225.383.208
3. Người mua trả tiền trước	313	5.11	85.031.700	2.247.599.531
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.12	7.632.249.919	4.251.694.371
5. Phải trả người lao động	315	5.13	1.395.467.274	1.058.249.475
6. Chi phí phải trả	316	5.14	9.096.730.222	9.492.260.587
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.15	114.451.378.910	186.497.690.085
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	5.16	1.237.455.468	506.184.234
II. Nợ dài hạn	330		3.247.199.160	3.224.489.482
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		120.674.803	80.674.803
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		550.454.166	554.600.000
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		2.576.070.191	2.589.214.679
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339			
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		429.393.584.154	421.167.117.968
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.17	429.393.584.154	421.167.117.968
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		320.000.000.000	320.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		32.185.270.806	32.185.270.806
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		683.261.215	683.261.215
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		8.144.435.446	7.127.904.578
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		68.380.616.687	61.170.681.369
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp.	422			

008837
CÔNG TY
CỔ PHẦN
XÂY DỰNG
ĐẤT XANH
PH. HỒ CHÍ MINH

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG ĐỊA ỐC ĐẤT XANH
27 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 24, Quận Bình Thạnh, TP. HCM

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/03/2012

Đơn vị tính: VND

II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1. Nguồn kinh phí	432			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		642.935.574.783	758.267.668.941

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Th. minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngoại tệ các loại:			
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

NGƯỜI LẬP BIỂU



NGUYỄN VĂN VŨ

KẾ TOÁN TRƯỞNG



ĐỖ THỊ THÁI

Ngày 20 tháng 04 năm 2012

TỔNG GIÁM ĐỐC



LƯƠNG TRÍ THÌN



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG ĐỊA ỐC ĐẤT XANH
27 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 24, Quận Bình Thạnh, TP. HCM

Mẫu số B 02a - DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ Trưởng BTC)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

QUÝ I NĂM 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Quý I		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	Năm trước
			Năm nay	Năm trước		
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	28.627.016.515	80.875.118.962	28.627.016.515	80.875.118.962
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		1.839.551.654	1.180.908.097	1.839.551.654	1.180.908.097
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		26.787.464.861	79.694.210.865	26.787.464.861	79.694.210.865
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	3.975.518.032	45.045.573.957	3.975.518.032	45.045.573.957
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		22.811.946.829	34.648.636.908	22.811.946.829	34.648.636.908
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	1.038.452.249	9.795.849.874	1.038.452.249	9.795.849.874
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	6.4	3.727.592.498	1.226.632.137	3.727.592.498	1.226.632.137
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.727.592.498	1.226.632.137	3.727.592.498	1.226.632.137
8. Chi phí bán hàng	24	6.5	662.951.714	1.652.270.100	662.951.714	1.652.270.100
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.6	6.431.672.752	6.314.355.955	6.431.672.752	6.314.355.955
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		13.028.182.114	35.251.228.590	13.028.182.114	35.251.228.590
11. Thu nhập khác	31	6.7	1.609.644.552	3.004.034.024	1.609.644.552	3.004.034.024
12. Chi phí khác	32	6.8	24.078.583	1.635.151.950	24.078.583	1.635.151.950
13. Lợi nhuận khác	40		1.585.565.969	1.368.882.074	1.585.565.969	1.368.882.074
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		14.613.748.083	36.620.110.664	14.613.748.083	36.620.110.664
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.9	4.015.376.539	7.525.815.276	4.015.376.539	7.525.815.276
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		10.598.371.544	29.094.295.388	10.598.371.544	29.094.295.388
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		331	1.818	331	1.818

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Chữ ký)
Nguyễn Văn Út

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Chữ ký)
Đỗ Thị Thu

Ngày 20 Tháng 04 Năm 2012





BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (THEO PHƯƠNG PHÁP GIÁN TIẾP) QUÝ I NĂM 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		14.613.748.083	36.620.110.664
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ	02		476.303.343	517.344.533
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.038.452.249)	(9.824.149.874)
- Chi phí lãi vay	06		3.727.592.498	1.226.632.137
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		17.779.191.675	28.539.937.460
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		63.826.038.594	(32.949.421.896)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		1.588.009.309	69.549.776.775
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(87.094.217.398)	(48.042.516.871)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1.054.986.247)	151.513.993
- Tiền lãi vay đã trả	13		(3.721.999.569)	(466.666.667)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(1.401.594.484)	(3.476.476.384)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		36.588.500.000	895.265.279
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(38.504.715.879)	(629.145.995)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(11.995.773.999)	13.572.265.694
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(22.800.000)	(26.316.265.051)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	999.780.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(6.378.645.455)	(2.030.771.818)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.038.452.249	5.183.650.713
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(5.362.993.206)	(22.163.606.156)



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (THEO PHƯƠNG PHÁP GIÁN TIẾP) QUÝ I NĂM 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	40.247.153.072
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(39.462.000.000)	(60.000.000.000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(45.600.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(39.507.600.000)	(19.752.846.928)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(56.866.367.205)	(28.344.187.390)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		93.534.465.347	143.541.717.031
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		36.668.098.142	115.197.529.641

Ngày 20 Tháng 04 Năm 2012

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN VĂN VŨ

ĐỖ THỊ THÁI

LƯƠNG TRÍ THÌN



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 và kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2012

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm.

1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp:

1.1. Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Địa ốc Đất Xanh (dưới đây gọi tắt là Công ty) là công ty cổ phần được thành lập do chuyển đổi từ Công ty TNHH Dịch vụ Xây dựng Địa ốc Đất Xanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 4103008531 ngày 23/11/2007 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh Công ty Cổ phần số 4103008531 ngày 23/11/2007 là 15.000.000.000 đồng.

Vốn điều lệ theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh Công ty Cổ phần số 4103008531 thay đổi lần thứ 4 ngày 17/01/2008 là 80.000.000.000 đồng.

Vốn điều lệ theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh Công Ty Cổ Phần số 0303104343 thay đổi lần thứ 9 ngày 20/09/2010 là 160.000.000.000 đồng.

Vốn điều lệ theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh Công Ty Cổ Phần số 0303104343 ngày 01/12/2011 là 320.000.000.000 đồng.

Trụ sở chính được đặt tại số 27 Đinh Bộ Lĩnh, phường 24, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh:

Bất động sản

1.3. Ngành nghề kinh doanh

- Kinh doanh nhà.
- Môi giới bất động sản, dịch vụ nhà đất.
- Tư vấn bất động sản (trừ các dịch vụ mang tính chất pháp lý).
- Tư vấn đầu tư.
- Xây dựng dân dụng, công nghiệp.
- Sửa chữa nhà, trang trí nội thất
- Cho thuê nhà ở, xưởng, văn phòng.
- Lập dự án đầu tư (báo cáo tiền khả thi, khả thi).
- San lấp mặt bằng.
- Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản. Dạy nghề
- Khai thác cát, đá, sỏi, đất sét
- In ấn, dịch vụ liên quan đến in, sao chép bản ghi các loại.
- Sản xuất xi măng, vôi, thạch cao, bê tông, các sản phẩm từ xi măng và thạch cao, cốt tạo dướng và hoàn thiện đá.
- Sản xuất sắt, thép, gang
- Sản xuất giường, tủ, bàn ghế
- Xây dựng nhà các loại.....

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 và kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2012

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm.

2. Niên độ kế toán và đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

2.1. Niên độ kế toán:

Niên độ kế toán của Công ty từ ngày 01 tháng 01 đến 31 tháng 12 hàng năm.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

3.1. Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chuẩn Mực và Chế độ Kế toán Việt Nam.

3.2. Hình thức Kế toán áp dụng:

Công Ty áp dụng hình thức kế toán là Nhật Ký Chung

3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày báo cáo tài chính cho giai đoạn kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2012.

4. Các chính sách kế toán áp dụng:

4.1. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền:

- Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản ký gửi không kỳ hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

- Nguyên tắc chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản mục tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán hoặc chuyển đổi vào cuối niên độ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

4.2. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho:

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 và kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2012

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm.

- *Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ*

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp giá đích danh.

- *Phương pháp hạch toán hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- *Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Cuối kỳ kế toán năm, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

4.3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

- *Nguyên tắc ghi nhận*

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- *Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi*

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

4.4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:

- *Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà Doanh Nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng.

- *Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định vô hình*

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

- *Phương pháp khấu hao*

Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

Máy móc thiết bị	03-06 năm
Phương tiện vận tải	05-10 năm
Thiết bị văn phòng	03-06 năm
Tài sản cố định vô hình	03-06 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 và kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2012

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm.

4.5. Nguyên tắc vốn hóa các khoản chi phí đi vay và các khoản chi phí khác.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí đi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo lãi suất bình quân gia quyền trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt.

4.6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính dài hạn:

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc.

Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn:

Cuối kỳ kế toán, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của chứng khoán đầu tư nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. Số dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của chứng khoán đầu tư lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

4.7. Ghi nhận chi phí phải trả và dự phòng phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm lập báo cáo và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.

Theo luật bảo hiểm Xã Hội, Công ty và các nhân viên phải đóng góp vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã Hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên là 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng kỳ.

4.8. Nguồn vốn chủ sở hữu:

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Ghi nhận cổ tức

Nguyên tắc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế :Theo điều lệ Công Ty Cổ phần Dịch Vụ Và Xây Dựng Địa Ốc Đất Xanh, lợi nhuận sau thuế trước khi chia cổ tức cho các cổ đông theo tỷ lệ góp vốn được phân phối như sau:

- + Quỹ dự phòng tài chính
- + Quỹ đầu tư phát triển
- + Quỹ khen thưởng phúc lợi.

4.9. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 và kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2012

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm.

4.10. Thuê tài sản

Các hợp đồng được phân loại là các hợp đồng thuê tài chính khi các điều khoản của hợp đồng thuê về căn bản chuyển giao mọi rủi ro và lợi ích liên quan đến quyền sở hữu tài sản của công ty.

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê.

4.11. Thuế:

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành; chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Theo hướng dẫn tại Công văn Số 3338/TCT-PCCS ngày 08 tháng 09 năm 2006 của Tổng Cục thuế, về việc chi phí hợp lý được trừ để tính thu nhập chịu thuế thì Công ty TNHH DV- XD Địa Ốc Đất Xanh nay là Công ty Cổ phần Dịch Vụ Và Xây Dựng Địa Ốc Đất Xanh được khấu trừ toàn bộ chi phí quảng cáo khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp nếu có đủ hóa đơn chứng từ hợp pháp theo quy định.

Các báo cáo thuế của các công ty chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định thuế đối với các nghiệp vụ khác nhau có thể được hiểu theo nhiều cách khác nhau, do vậy, các số liệu thuế thể hiện trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

4.12. Công cụ tài chính:

Ghi nhận ban đầu và trình bày

Theo Thông tư 210, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay và các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả kinh doanh, các khoản nợ phải trả được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan đến việc phát hành.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác, nợ và các khoản vay ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 và kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2012

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

4.13. Các bên liên quan:

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

4.14. Số liệu so sánh:

Một vài số liệu so sánh đã được sắp xếp lại cho phù hợp với việc trình bày báo cáo tài chính của niên độ này.

5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong bảng cân đối kế toán :

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	113.746.340	245.019.255
Tiền gửi ngân hàng	7.054.351.802	2.087.812.759
Các khoản tương đương tiền	29.500.000.000 (*)	91.201.633.333
Tổng cộng	36.668.098.142	93.534.465.347

(*) Các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn một tháng tại các Ngân hàng sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
NH Phát Triển Nhà Đồng Bằng Sông Cửu Long	25.500.000.000	50.401.633.333
Ngân hàng Công Thương	4.000.000.000	40.800.000.000
Tổng cộng	29.500.000.000	91.201.633.333

5.2. Các khoản phải thu ngắn hạn:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu khách hàng	68.040.218.402 (*)	134.073.539.376
Trả trước cho người bán	4.145.418.414 (*)	3.323.022.159
Các khoản phải thu khác	185.027.494.408 (*)	184.253.128.888
Tổng cộng	257.213.131.224	321.649.690.423
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	(8.853.191.450) (*)	(8.853.191.450)
Giá trị thuần của các khoản phải thu ngắn hạn	248.359.939.774	312.796.498.973

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 và kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2012

(Thẻ hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm.

(1) Chi tiết bao gồm:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu khách hàng bán dự án căn hộ	36.504.824.795	37.017.841.128
Phải thu khách hàng dịch vụ môi giới.	27.231.746.954	88.122.815.673
Phải thu khách hàng khác	4.303.646.653	8.932.882.575
Tổng cộng	68.040.218.402	134.073.539.376

(2) Chủ yếu các khoản trả trước cho người bán như sau::

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH Thẩm Định Giá Hoàng Quân	45.454.550	45.454.550
Công ty TNHH TM DV và Quảng Cáo Việt Hiến	91.355.000	-
Công ty TNHH TM DV XD Thiên Lý Lan	300.000.000	300.000.000
Công ty CP Truyền Thông Đại Dương	200.000.000	-
Công ty TNHH Chứng Khoán ACB	49.500.000	16.500.000
Công ty TNHH Media 24H	124.220.000	-
Công ty TNHH Mô Hình Xanh	82.500.000	-
Công ty TNHH Quảng Cáo An Hiệp Phát	143.550.000	-
Công Ty TNHH SX TM DV Tiến Uy	44.000.000	44.000.000
Công ty TNHH Tin Học Viễn Thông Song Việt	57.530.000	-
Công ty TV ĐT XD Kiểm Định Liên Toàn	990.000.000	990.000.000
Đỗ Hoàng Dương	1.800.000.000	1.800.000.000
Các khoản trả trước khác	217.308.864	127.067.609
Tổng cộng	4.145.418.414	3.323.022.159

(3) Bao gồm các khoản phải thu khác như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu các công ty con (chi hộ, tài trợ vốn, mượn, lãi tài trợ vốn, khác)	7.336.870.108	10.606.486.431
Phải thu Công ty CP Địa Ốc Long Điền khoản tài trợ vốn Khu dân cư - dịch vụ Giang Điền theo Hợp đồng hợp tác đầu tư kinh doanh số 0106/HĐHTĐT ngày 27/06/2010	50.689.068.710	50.689.068.710

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 và kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2012
 (Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm.

Phải thu Công ty CP Đầu tư và Phát triển Hồng Hà - Hợp đồng góp vốn đầu tư xây dựng Căn hộ cao cấp Morning Star số 011/08/HĐGVĐT ngày 08/03/2008	12.235.728.500	12.235.728.500
Phải thu Công ty CP Xây dựng Địa ốc Cao Su khoản ứng trước tiền theo hợp đồng chuyển nhượng vốn góp	52.911.000.000	31.746.600.000
Phải thu tiền ứng trước cho bên bán nhà và đất	8.429.000.000	13.429.000.000
Phải thu theo các giấy ủy quyền đứng tên hợp đồng mua quyền sử dụng đất - xem thêm mục 7	32.387.890.740	36.386.690.740
Khoản tài trợ vốn cho Công ty CP Xây dựng Địa Ốc Long Kim Phát	19.906.557.600	27.840.000.000
Phải thu khác	1.131.378.750	1.319.554.507
Tổng cộng	185.027.494.408	184.253.128.888

(4) Bao gồm nợ phải thu khó đòi chủ yếu của các khách hàng sau:

Nguyễn Thu Hòa	3.779.000.000
Bà Dương Thị Thục	3.000.000.000
Công ty CP TV ĐT XD Kiểm định Liên Toàn Cầu	990.000.000
Ông Lưu Tấn Tiến	1.050.000.000
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đất Xanh Tây Bắc	34.191.450

5.3. Hàng tồn kho:

Hàng tồn kho tại ngày 31/03/2012 chủ yếu là thành phẩm của các dự án sunview:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	74.489.000	12.669.000
Thành phẩm (dự án căn hộ Tam Phú)	4.512.779.563	6.162.608.872
+ Dự án căn hộ Sunview 1	-	-
+ Dự án căn hộ sunview 2	4.512.779.563	6.162.608.872
Tổng cộng	4.587.268.563	6.175.277.872
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần của hàng tồn kho	4.587.268.563	6.175.277.872

Tổng giá trị các dự án căn hộ chung cư Tam Phú bao gồm quyền sử dụng đất và công trình xây dựng được thế chấp để đảm bảo các khoản vay tại ngân hàng Công Thương Việt Nam. Xem thêm mục 5.10.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 và kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2012

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm.

5.4. Tài sản ngắn hạn khác:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí trả trước ngắn hạn	1.871.963.447 ⁽¹⁾	576.935.743
Thuế GTGT được khấu trừ	-	244.662.415
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	3.307.409	3.307.409
Tài sản ngắn hạn khác	33.998.157.589 ⁽²⁾	33.174.781.978
Tổng cộng	35.873.428.445	33.999.687.545

(1) Chủ yếu là khoản trả trước chi phí quảng cáo chờ phân bổ

(2) Bao gồm các khoản:

Tạm ứng	5.066.157.589
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	28.932.000.000
<i>Khoản đặt cọc cho hợp đồng môi giới và bao tiêu sản phẩm Khu dân cư - dịch vụ Giang Điền</i>	<i>24.500.000.000</i>
<i>Các khoản đặt cọc mua dự án khác</i>	<i>4.432.000.000</i>

5.5. Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình:

Khoản mục	Máy móc	PTVT, truyền dẫn	Thiết bị, DC quản lý và khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình				
Số dư đầu năm		5.989.742.577	567.535.128	6.557.277.705
Mua trong kỳ	-	-	22.800.000	22.800.000
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
Giảm khác				
Số dư cuối kỳ	-	5.989.742.577	590.335.128	6.580.077.705
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm		1.944.556.986	298.757.212	2.243.314.198
Khấu hao trong kỳ		211.476.253	30.713.738	242.189.991
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-
Giảm khác				
Số dư cuối kỳ		2.156.033.239	329.470.950	2.485.504.189
Giá trị còn lại của TSCĐ HH				
- Tại ngày đầu kỳ	-	4.045.185.591	268.777.916	4.313.963.507
- Tại ngày cuối kỳ	-	3.833.709.338	260.864.178	4.094.573.516

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 và kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2012

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm.

5.6. Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình:

Khoản mục	Trang web	Phần mềm vi tính	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ vô hình				
Số dư đầu năm	290.166.005	14.248.000	107.434.600	411.848.605
Mua trong kỳ		108.851.930		108.851.930
Thanh lý, nhượng bán				
Giảm khác				
Số dư cuối kỳ	290.166.005	123.099.930	107.434.600	520.700.535
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	127.754.552	8.608.167	107.434.600	243.797.319
Khấu hao trong kỳ	8.700.615	6.333.096	-	15.033.711
Thanh lý, nhượng bán				
Giảm khác				
Số dư cuối kỳ	136.455.167	14.941.263	107.434.600	258.831.030
Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình				
Tại ngày đầu năm	162.411.453	5.639.833	-	168.051.286
Tại ngày cuối kỳ	153.710.838	108.158.667	-	261.869.505

5.7. **Bất động sản đầu tư** : Là các căn hộ sunview1 và sunview2 đang giữ để cho thuê, được kế toán theo chuẩn mục " Bất Động Sản Đầu Tư"

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nguyên giá bất động sản đầu tư	26.289.557.319	26.289.557.319
Giá trị hao mòn lũy kế	(1.095.398.205)	(876.318.564)
Giá trị còn lại của bất động sản đầu tư	25.194.159.114	25.413.238.755

5.8. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Đầu tư vào công ty con	189.346.557.000 ⁽¹⁾	189.346.557.000
- Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	26.887.000.000 ⁽²⁾	26.600.000.000
- Các khoản đầu tư dài hạn khác	72.926.172.287 ⁽³⁾	66.834.526.832
Tổng cộng	289.159.729.287	282.781.083.832
- Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn.	(4.185.258.791) ⁽⁴⁾	(4.185.258.791)
Giá trị thuần của đầu tư tài chính dài hạn	284.974.470.496	278.595.825.041

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 và kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2012

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm.

(1) Danh sách các công ty con đã đầu tư đến ngày 31/03/2012 như sau:

Công ty con	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng (cp)	Giá trị (ngàn đồng)	Số lượng (cp)	Giá trị (ngàn đồng)
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Và Phát triển Thành Phố Hồ Chí Minh	2.500.000	57.120.000	2.500.000	57.120.000
Công ty TNHH Xây Dựng - Thương Mại - Dịch Vụ Hà Thuận Hùng.		25.740.000		25.740.000
Công ty Cổ Phần Kinh Doanh Dịch Vụ Bất Động Sản Đất Xanh	2.685.000	26.850.000	2.685.000	26.850.000
Công Ty TNHH DL-TM -SX & XD Lý Khoa Nguyên (*)		79.636.557		79.636.557
		<u>189.346.557</u>		<u>189.346.557</u>

(*) Căn cứ theo Nghị quyết số 22/2011/NQ-HĐQT của Hội đồng quản trị Công ty ngày 02/11/2011, Công ty nhận chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp với tổng giá trị 79.636.557.000 VNĐ tại Công ty TNHH Du lịch - Thương mại - Sản xuất và Xây dựng Lý Khoa Nguyên để trở thành chủ sở hữu của Công ty này.

(2) Bao gồm các khoản đầu tư vào công ty liên kết sau

Công ty liên kết	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng (cp)	Giá trị (ngàn đồng)	Số lượng (cp)	Giá trị (ngàn đồng)
Công ty Cổ Phần Địa Ốc Long Điền (*)	2.450.000	24.500.000	2.450.000	24.500.000
Công ty Cổ Phần Xây Dựng Đất xanh (**)	210.000	2.100.000	210.000	2.100.000
Công ty CP Quy Hoạch Kiến Trúc Việt (***)	28.700	287.000		
Tổng cộng		<u>26.887.000</u>		<u>26.600.000</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 và kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2012
 (Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm.

(*) Công Ty Cổ Phần Địa Ốc Long Điền là công ty liên doanh liên kết theo giấy phép kinh doanh ngày 31 tháng 05 năm 2011, Công Ty CP Dịch Vụ và Xây Dựng Địa Ốc Đất Xanh sở hữu 2.450.000 cổ phần tương ứng tỷ lệ 49% phần vốn góp.

(**) Công ty Cổ Phần Xây Dựng Đất Xanh chuyển thành Công ty liên doanh liên kết theo giấy phép kinh doanh ngày 23 tháng 11 năm 2011, Công Ty CP Dịch Vụ và Xây Dựng Địa Ốc Đất Xanh sở hữu 42% phần vốn góp.

(***) Công ty CP Quy hoạch Kiến Trúc Việt là công ty liên doanh liên kết theo giấy phép kinh doanh ngày 14 tháng 12 năm 2011, Công Ty CP Dịch Vụ và Xây Dựng Địa Ốc Đất Xanh sở hữu 41% phần vốn góp.

(3) Đầu tư dài hạn khác chi tiết như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ Phần Xây Dựng Địa Ốc Long Kim Phát	928.000.000	560.000.000
Công ty Cổ Phần Đầu Tư và Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	12.377.904.000	12.377.904.000
Dự án Công ty TNHH Minh Hưng	6.077.575.090	6.077.575.090
Dự án Công ty Đầu Tư Đông Á	22.686.488.000	17.017.388.000
Dự án khu nhà ở chung cư và biệt thự cao cấp tại P.10, Vũng Tàu	909.090.909	909.090.909
Dự án khu dân cư Đất Xanh 19,8 ha tại Long Thọ, Nhơn Trạch, Đồng Nai	79.849.091	79.849.091
Dự án khu dân cư Đất Xanh 30 ha tại Long Thọ, Nhơn Trạch, Đồng Nai	260.994.969	260.994.969
Dự án khu dân cư Tân Vũ Minh - Bình Dương Riverside	28.081.873.500	28.081.873.500
Dự án khác	1.524.396.728	1.469.851.273
Tổng cộng	72.926.172.287	66.834.526.832

(4) Bao gồm các khoản trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công Ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Hà Thuận Hùng	612.798.863	612.798.863
Công Ty CP Đầu Tư và Phát Triển TP. Hồ Chí Minh	497.335.966	497.335.966
Công ty Cổ Phần Kinh Doanh Dịch Vụ Bất Động Sản Đất Xanh	3.075.123.962	3.075.123.962
Tổng cộng	4.185.258.791	4.185.258.791

5.9. Tài sản dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí trả trước dài hạn	452.525.116 ⁽¹⁾	692.566.573
Tài sản dài hạn khác	533.520.000 ⁽²⁾	533.520.000
Tổng cộng	986.045.116	1.226.086.573

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 và kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2012
(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm.

(1) Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn chủ yếu là chi phí công cụ, dụng cụ đang sử dụng chờ phân bổ.

(2) Tài sản dài hạn khác là tiền đặt cọc thuê văn phòng làm việc

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty CP quản lý và phát triển nhà Dầu Khí Miền Nam	533.520.000	533.520.000
Tổng cộng	533.520.000	533.520.000

5.10. Các khoản vay và nợ ngắn hạn:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay ngân hàng Công Thương Việt Nam	71.500.000.000 (1)	71.500.000.000
Vay ngân hàng MHB chi nhánh Gia Định		36.900.000.000
Công ty Cổ phần Dịch Vụ và Xây Dựng Đất Xanh Tây Nam		700.000.000
Công ty Cổ phần Đất Xanh Đồng Nai		2.497.000.000
Tổng cộng	71.500.000.000	111.597.000.000

(1) Vay ngân hàng Công Thương Việt Nam theo hợp đồng số: 0039/2011/HĐTD ngày 05/05/2011, lãi suất 19%/năm.

Mục đích sử dụng tiền vay: thanh toán các chi phí liên quan đến việc thực hiện hợp đồng môi giới và bao tiêu sản phẩm dự án khu dân cư Phước Lý, tỉnh Long An.

(1) Vay ngân hàng Công Thương Việt Nam theo hợp đồng số: 0085/2011/HĐTD ngày 19/10/2011, lãi suất 19%/năm.

Mục đích sử dụng tiền vay: thanh toán các chi phí liên quan đến việc thực hiện hợp đồng môi giới và bao tiêu sản phẩm dự án khu dân cư Suối Sơn, tỉnh Đồng Nai.

5.11. Phải trả người bán và người mua trả trước tiền:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Phải trả người bán	4.896.477.976 (1)	18.225.383.208
- Người mua ứng trước tiền	85.031.700 (2)	2.247.599.531
Tổng cộng	4.981.509.676	20.472.982.739

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 và kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2012
(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm.

(1) Bao gồm các khoản

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Báo Đầu Tư	29.172.000	29.172.000
Công ty CP Cửa Nam Âu (Cửa sổ Mùa Xuân)	-	96.286.960
Công Ty CP Quản Lý và Phát Triển Nhà Dầu Khí Miền Nam	-	51.774.821
Công ty CP Xúc Tiến Thương Mại Đầu Tư Hành Tinh Số	-	44.560.280
Công ty Cổ Phần Tư Vấn Xây Dựng Tổng Hợp	100.000.000	100.000.000
Công ty TNHH XD - ĐT và KD Địa ốc Tân Vũ Minh	2.600.000.000	2.600.000.000
Công Ty CP DV Và XD Địa ốc Đất Xanh Tây Nam	1.388.741.098	6.031.463.989
Công Ty CP KD Dịch Vụ Bất Động Sản Đất Xanh	611.395.200	8.880.290.760
Công ty TNHH TM & XD Hưng Thịnh	-	144.406.192
Các khoản phải trả khác	167.169.678	247.428.206
Tổng cộng	4.896.477.976	18.225.383.208

(2) Là khoản tiền khách hàng trả tiền trước mua căn hộ và dự án bao gồm:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dự án Sunview 2	85.000.000	2.247.567.831
Phí dịch vụ và phí khác	31.700	31.700
Tổng cộng	85.031.700	2.247.599.531

5.12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Thuế Giá trị gia tăng	936.160.429	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.437.726.005	3.823.943.950
Thuế thu nhập cá nhân	258.363.485	427.750.421
Tổng cộng	7.632.249.919	4.251.694.371

5.13. Phải trả người lao động

Là khoản lương và hoa hồng còn phải trả tháng 03/2012

5.14. Chi phí phải trả

Là khoản ước chi phí thực hiện xây dựng hoàn thành các dự án gồm:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dự án Sunview 1	1.689.769.835	1.712.563.017
Dự án Sunview 2	6.388.085.388	6.410.878.570
Trích trước các khoản khác	1.018.874.999	1.368.819.000
Tổng cộng	9.096.730.222	9.492.260.587

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 và kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2012
 (Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm.

5.15. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	420.423.043	352.902.060
Bảo hiểm xã hội	265.836.413	30.992.727
Bảo hiểm y tế	47.625.840	1.383.840
Bảo hiểm thất nghiệp	20.244.040	666.040
Các khoản phải trả, phải nộp khác	113.697.249.574 (*)	186.111.745.418
Tổng cộng	114.451.378.910	186.497.690.085

(*) Là các khoản thu hộ tiền bán căn hộ, đất nền và khác. Chi tiết gồm:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả tiền thu hộ - Công ty TNHH TM - DV Hà Thuận Hùng	49.007.525.433	61.804.465.113
Phải trả cho công ty CP Quốc tế Năm Sao tiền đặt cọc, tiền giữ chỗ của khách hàng đăng ký mua dự án Khu dân cư Phước Lý - Long An	48.034.762.159	108.673.223.317
Phải trả tiền hợp đồng góp vốn mua dự án sunview1,2 cho khách hàng	2.576.886.818	2.576.886.818
Phải trả phí bảo trì và các chi phí thu hộ	8.319.257.248	8.249.317.093
Các khoản phải trả khác	5.758.817.916	4.807.853.077
Tổng cộng	113.697.249.574	186.111.745.418

5.16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Kỳ này	Kỳ trước
Số dư đầu năm	506.184.234	1.076.079.961
Trích lập trong năm	2.371.905.358	3.802.025.667
Sử dụng trong năm	(1.640.634.124)	(4.371.921.394)
Số dư cuối năm	1.237.455.468	506.184.234

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 và kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2012

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm.

5.17. Vốn chủ sở hữu

5.17.1 - Bảng biến động của vốn chủ sở hữu

DVT: đồng

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ ĐTPT	Quỹ dự phòng tài chính	LN sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	160.000.000.000	5.280.000.000	683.261.215	4.846.689.178	81.369.560.168	252.179.510.561
Tăng trong năm	160.000.000.000	26.905.270.806	-	-	-	186.905.270.806
Lợi nhuận trong năm trước					33.884.362.268	33.884.362.268
Chia cổ tức					(48.000.000.000)	(48.000.000.000)
Phân phối quỹ				2.281.215.400	(6.083.241.067)	(3.802.025.667)
Số dư đầu năm nay	320.000.000.000	32.185.270.806	683.261.215	7.127.904.578	61.170.681.369	421.167.117.968
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong kỳ					10.598.371.544	10.598.371.544
Chia cổ tức						-
Phân phối quỹ				1.016.530.868	(3.388.436.226)	(2.371.905.358)
Số dư cuối kỳ	320.000.000.000	32.185.270.806	683.261.215	8.144.435.446	68.380.616.687	429.393.584.154

5.17.2 Cổ phần

Số lượng cổ phần đăng ký phát hành

Số cuối kỳ	Số đầu năm
32.000.000	32.000.000

Số lượng cổ phần phổ thông bán ra công chúng

32.000.000	32.000.000
------------	------------

Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành

32.000.000	32.000.000
------------	------------

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND / CP

5.17.3 Lợi nhuận chưa phân phối:

Tại thời điểm đầu kỳ

Số cuối kỳ	Số đầu năm
61.170.681.369	81.369.560.168

Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ

10.598.371.544	33.884.362.268
----------------	----------------

Trích lập quỹ đầu tư phát triển

(2.371.905.358)	(3.802.025.667)
-----------------	-----------------

Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi

(1.016.530.868)	(2.281.215.400)
-----------------	-----------------

Trích lập quỹ dự phòng tài chính

-	(48.000.000.000)
---	------------------

Chia cổ tức

68.380.616.687	61.170.681.369
----------------	----------------

Tại thời điểm cuối kỳ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 và kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2012
 (Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm.

6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh :

6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Quý I/2012	Quý I/2011	Năm nay	Năm trước
Doanh thu môi giới bất động sản	25.447.918.581	3.145.300.477	25.447.918.581	3.145.300.477
Doanh thu từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	3.179.097.934	77.729.818.485	3.179.097.934	77.729.818.485
Hàng bán trả lại	(1.839.551.654)	(1.180.908.097)	(1.839.551.654)	(1.180.908.097)
Doanh thu thuần	26.787.464.861	79.694.210.865	26.787.464.861	79.694.210.865

6.2. Giá vốn hàng bán

	Quý I/2012	Quý I/2011	Năm nay	Năm trước
Giá vốn môi giới bất động sản	2.335.508.909	2.613.106.882	2.335.508.909	2.613.106.882
Giá vốn hoạt động chuyển nhượng bất động sản	1.640.009.123	42.432.467.075	1.640.009.123	42.432.467.075
Tổng cộng	3.975.518.032	45.045.573.957	3.975.518.032	45.045.573.957

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý I/2012	Quý I/2011	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.038.452.249	3.654.683.507	1.038.452.249	3.654.683.507
Cổ tức, lợi nhuận được chia		6.141.166.367		6.141.166.367
Tổng cộng	1.038.452.249	9.795.849.874	1.038.452.249	9.795.849.874

6.4. Chi phí hoạt động tài chính

	Quý I/2012	Quý I/2011	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay	3.727.592.498	1.226.632.137	3.727.592.498	1.226.632.137
Tổng cộng	3.727.592.498	1.226.632.137	3.727.592.498	1.226.632.137

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 và kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2012

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm.

6.5. Chi phí bán hàng:

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nhân viên	57.010.085	187.538.467
Chi phí quảng cáo	521.096.185	313.036.745
Chi phí khấu hao TSCĐ		29.440.958
Chi phí dịch vụ mua ngoài	84.845.444	891.768.300
Chi phí bằng tiền khác		230.485.630
Tổng cộng	662.951.714	1.652.270.100

6.6. Chi phí Quản lý doanh nghiệp:

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nhân viên	4.269.961.501	3.525.969.575
Chi phí đồ dùng văn phòng	222.333.989	336.861.961
Chi phí khấu hao tài sản cố định	257.223.702	268.823.934
Chi phí thuế, phí và lệ phí	15.878.435	65.504.091
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.175.239.744	1.190.953.328
Chi phí đào tạo, tuyển dụng	27.608.851	52.844.500
Chi phí bằng tiền khác	463.426.530	873.398.566
Tổng cộng	6.431.672.752	6.314.355.955

6.7. Thu nhập khác.

	Kỳ này	Kỳ trước
Thu tiền phạt, tiền bồi thường		97.320.849
Thanh lý, nhượng bán tài sản, công cụ, dụng cụ.		1.393.044.055
Thu nhập khác.	1.609.644.552	1.513.669.120
Tổng cộng	1.609.644.552	3.004.034.024

6.8. Chi phí khác.

	Kỳ này	Kỳ trước
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, công cụ, dụng cụ.		1.362.694.055
Chi phí khác.	24.078.583	272.457.895
Tổng cộng	24.078.583	1.635.151.950

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 và kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2012

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm.

6.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

	Kỳ này	Kỳ trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong kỳ.	14.613.748.083	36.620.110.664
Cộng các khoản điều chỉnh tăng	424.442.908	(5.748.620.079)
Trừ thu nhập từ hoạt động bất động sản	(310.283.029)	
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	15.348.474.020	30.871.490.585
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	25%	25%
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính.	3.837.118.505	7.717.872.646
Trừ thuế TNDN miễn giảm theo thông tư 03/2009/TT-BTC ngày 13/1/2009		
Cộng các khoản thuế từ thu nhập chuyển nhượng bất động sản		
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ trước	178.258.034	(192.057.370)
Chi phí thuế TNDN phải nộp trong kỳ	4.015.376.539	7.525.815.276

6.10. Chi phí sản xuất theo yếu tố.

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nhân viên	4.326.971.586	3.822.868.494
Chi phí đồ dùng văn phòng	222.333.989	336.861.961
Chi phí khấu hao tài sản cố định	476.303.343	517.344.533
Chi phí thuế, phí và lệ phí	15.878.435	65.504.091
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.925.219.492	4.733.269.662
Chi phí bằng tiền khác	463.426.530	1.103.884.196
Tổng cộng	9.430.133.375	10.579.732.937

7. Những thông tin khác :

7.1. Thông tin về các bên có liên quan:

Theo quy định của chuẩn mực kế toán Việt Nam, các đơn vị và các cá nhân sau đây được xem là các bên liên quan. Các bên có liên quan với Công ty bao gồm:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 và kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2012

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm.

Bên liên quan

Công ty Cổ Phần Đầu Tư Và Phát triển Thành Phố Hồ Chí Minh
Công ty Cổ Phần Kinh Doanh Dịch Vụ Bất Động Sản Đất Xanh
Công ty TNHH Du Lịch - TM - SX và Xây dựng Lý Khoa Nguyên
Công ty Cổ phần Đầu Tư Và Phát triển Đất Xanh Tây Bắc
Công ty Cổ Phần Dịch Vụ Và Xây Dựng Đất Xanh Tây Nam
Công ty Cổ Phần Đất Xanh Bình Dương
Công ty Cổ Phần Đất Xanh Đồng Nai
Công ty Cổ Phần Đất Xanh Mỹ Phước
Công ty Cổ Phần Đất Xanh Đông Á
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Và Phát Triển Đất Xanh Hoàn Cầu
Công ty Cổ Phần Dịch Vụ Và Địa Ốc Đất Xanh Miền Bắc
Công ty Cổ Phần Đất Xanh Miền Trung
Công ty Cổ Phần Đất Xanh Miền Tây
Công ty Cổ Phần Xây Dựng Đất Xanh
Công ty Cổ Phần Địa Ốc Long Điền
Công ty Cổ Phần Quy Hoạch Kiến Trúc Việt

Mối quan hệ

Công ty con đầu tư trực tiếp
Công ty con đầu tư trực tiếp
Công ty con đầu tư trực tiếp
Công ty con đầu tư gián tiếp
Công ty con đầu tư gián tiếp
Công ty con đầu tư gián tiếp
Công ty con đầu tư gián tiếp
Công ty con đầu tư gián tiếp
Công ty con đầu tư gián tiếp
Công ty con đầu tư gián tiếp
Công ty con đầu tư gián tiếp
Công ty con đầu tư gián tiếp
Công ty con đầu tư gián tiếp
Công ty con đầu tư gián tiếp
Công ty con đầu tư gián tiếp
Công ty liên kết
Công ty liên kết
Công ty liên kết

Ông Lương Trí Thìn	Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị, kiêm Tổng Giám Đốc
Ông Trần Văn Ánh	Phó Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị
Ông Nguyễn Khánh Hưng	Thành viên Hội Đồng Quản Trị
Ông Trần Khánh Quang	Thành viên Hội Đồng Quản Trị, kiêm Phó Tổng Giám Đốc
Ông Trần Quyết Chiến	Thành viên Hội Đồng Quản Trị
Ông Nhâm Hà Hải	Thành viên Hội Đồng Quản Trị
Ông Lương Trí Thảo	Cố đồng , Kiêm Tổng Giám Đốc Công ty CP Đất Xanh Mỹ Phước
Ông Lương Trí Tú	Cố đồng , Kiêm Thủ Quỹ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 và kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2012
(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm.

Tại ngày lập bảng Cân đối kế toán, các số dư với các bên có liên quan như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu theo giấy ủy quyền đứng tên hợp đồng quyền sử dụng đất - xem thêm mục 5.2	32.387.890.740	36.386.690.740
Phải thu	29.628.883.850	8.015.111.442
Phải thu tài trợ vốn	53.829.169.628	83.696.180.188
Phải thu lãi tài trợ vốn	3.330.031.993	3.017.146.086
Phải thu tạm ứng	2.399.277.287	2.478.623.776
Phải trả	(54.636.310.469)	(79.934.993.807)
Vay		(3.197.000.000)
Nội dung nghiệp vụ	<u>Quý I/2012</u>	<u>Quý I/2011</u>
Chi hệ - phải thu	789.000.000	389.373.690
Chi hệ - đã thu	4.368.502.230	3.729.986.750
Góp vốn vào công ty con và công ty liên doanh liên kết	287.000.000	510.000.000
Cổ tức được chia chuyển vào vốn		3.283.930.000
Cổ tức được chia bằng tiền		2.857.217.900
Phải thu từ tài trợ vốn cho công ty con và công ty liên kết		18.691.369.300
Phải thu các khoản bán tài sản cố định, công cụ dụng cụ		426.950.446
Tạm ứng phải thu	64.000.000	579.080.000
Tạm ứng đã thu	143.346.489	147.356.348
Phí môi giới phải trả	2.116.429.268	2.453.637.088
Phí môi giới đã trả	15.172.933.629	4.019.627.295
Thu hệ - phải trả	20.559.887.611	20.492.987.993
Thu hệ - Đã trả	27.815.718.627	15.281.163.994
Lãi tài trợ vốn	312.885.907	423.973.596
Lãi vay phải trả	62.902.388	
Lãi vay đã trả	86.852.888	
Phải thu dịch vụ môi giới	610.617.055	1.178.410.035
Đã thu dịch vụ môi giới	5.616.156.120	1.291.186.589
Thu khác	1.819.707.033	72.400.000
Trả khác	429.999.542	418.048.500
Doanh thu dịch vụ	332.170.213	
Phải thu dịch vụ	365.387.235	
Thu tiền dịch vụ	50.145.797	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 và kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2012
 (Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm.

- Thù lao hội đồng quản trị và thu nhập của Ban Tổng Giám Đốc	Quý I/2012	Quý I/2011
Tổng Giám Đốc	169.513.265	144.962.500
Lương các nhân viên chủ chốt	1.133.778.220	1.275.402.084
Tổng cộng	1.303.291.486	1.420.364.584

7.2. Các sự kiện sau ngày kết thúc niên độ:

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày 31/03/2012 đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

7.3. Những thông tin khác

Báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2012 được Tổng Giám Đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 20 tháng 04 năm 2012.

NGƯỜI LẬP BIỂU



NGUYỄN VĂN VŨ

KẾ TOÁN TRƯỞNG



ĐỖ THỊ THÁI

Lập, ngày 20 tháng 04 năm 2012



 TÔNG GIÁM ĐỐC
 LUƠNG TRÍ THÌN